

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-02-2021

Về tc “Chia tài sản sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hải Châu

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lê Minh Hoàng

2. Bà Dương Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2020, về tranh chấp “Chia tài sản sau ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1980 (có mặt)

HKTT: Ấp K, xã T, huyện O, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Số M đường N, khóm N, Phường T, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1969. (vắng mặt)

HKTT: Số T khóm H, Phường B, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Số F, khóm H, Phường T, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Thanh L, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số M đường T, Phường N, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/02/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/3/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T ly hôn theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 185/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có tài sản chung là thửa đất số 35, tờ bản đồ 9, diện tích 58,6m² tọa lạc tại Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do anh T đứng tên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/9/2015, trên đất có căn nhà cấp 4 xây dựng vào năm 2009. Trị giá nhà và đất khoảng 350.000.000 đồng. Hiện nay căn nhà và đất anh T đang quản lý và sử dụng.

Chị T yêu cầu giao nhà đất cho anh T sở hữu, anh T phải giao lại cho chị 175.000.000 đồng.

Bị đơn Nguyễn Văn T trình bày: Anh và chị T kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Tích Thiện, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Năm 2019 anh với chị T ly hôn theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 185/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Thửa đất số 35, tờ bản đồ 9, diện tích 58,6m² tọa lạc tại Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do anh đứng tên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/9/2015 là tài sản riêng của anh. Nguồn tiền mua đất là của mẹ anh tên Bùi Thị T cho 20 công đất ở huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, anh đã bán phần đất mẹ cho ở huyện Tam Nông, đến năm 2007 nhận chuyển nhượng thửa đất số 35, tờ bản đồ 9, diện tích 58,6m² tọa lạc tại Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long của bà Hà Thị Thu H. Năm 2008 anh cùng chị T xây dựng nhà cấp 4 trên diện tích đất trên.

Ngày 03/3/2020 anh chuyển nhượng thửa đất số 35, tờ bản đồ 9, diện tích 58,6m² cho anh Trần Thanh L với giá 620.000.000 đồng, anh trả cho nhà nước 40.000.000 đồng tiền chuyển lên đất thổ còn nợ trước đây, còn lại 580.000.000 đồng. Nhà và đất là tài sản riêng của anh nên không đồng ý chia theo yêu cầu của chị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thanh L trình bày: Ngày 03/3/2020 anh nhận chuyển nhượng thửa đất số 35, tờ bản đồ 9, diện tích 58,6m² tọa lạc tại Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long với giá 620.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T. Anh đã trả đủ tiền cho anh T và đã hoàn tất thủ tục sang tên, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do tài sản đang tranh chấp giữa chị T và anh T. Anh yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh và anh T vì anh mua nhà đất hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thay đổi yêu cầu độc lập.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long giải quyết vụ án đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý đơn kiện cho đến khi đưa vụ án ra xét xử công khai. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giao cho anh Nguyễn Văn T được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng đất thửa số 35, tờ bản đồ 9, diện tích 58,6m² tọa lạc tại Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Anh T phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị T số tiền 175.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/3/2020 giữa anh Trần Thanh L và anh Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ 9, diện tích 58,6m² tọa lạc tại Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp “Chia tài sản sau ly hôn” quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Thửa đất số 35, tờ bản đồ 9, diện tích 58,6m² tọa lạc tại Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Văn T đứng tên cá nhân và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/9/2015. Trên thửa đất có căn nhà cấp 4 được xây dựng vào năm 2009 anh T thừa nhận là cùng với chị T đứng ra xây cất. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy, chị T xác định căn nhà là tài chung vợ chồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Thửa đất số 35, tờ bản đồ 9, diện tích 58,6m² tại Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long được anh T nhận chuyển nhượng vào năm 2007 là trong thời kỳ hôn nhân (kết hôn năm 2003 và ly hôn năm 2019). Anh Tiếp cho rằng nhà đất là tài sản riêng của anh, tuy nhiên anh không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là tài riêng. Theo quy định của Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì “Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra ... trong thời kỳ hôn

nhân”. Do vậy, thửa đất do anh T mua và đứng tên cá nhân trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn là tài sản chung của anh T và chị T.

Kết quả định giá tài sản ngày 17/9/2020 của Hội đồng định giá thì giá trị căn nhà là 83.319.183 đồng và giá trị đất là 58.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 141.919.183 đồng. Tuy nhiên ngày 03/3/2020 anh T chuyển nhượng nhà và đất cho anh Trần Thanh L với giá 620.000.000 đồng, trả cho nhà nước 40.000.000 đồng tiền chuyển lên đất thổ còn nợ trước đây, còn lại 580.000.000 đồng. Vì vậy, chị T yêu cầu anh T phải chia lại cho chị 175.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngày 03/3/2020 anh Trần Thanh L nhận chuyển nhượng thửa đất số 35, tờ bản đồ 9, diện tích 58,6m² tọa lạc tại Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long với giá 620.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn T. Anh L đã trả đủ tiền cho anh T và đã hoàn tất thủ tục sang tên, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do tài sản đang tranh chấp giữa chị T và anh T. Xét nguồn gốc tài sản là của vợ chồng anh T, do anh T đứng tên cá nhân, khi anh T chuyển nhượng nhà đất cho anh L thì vợ chồng anh T đã ly hôn nên anh L không biết là tài sản chung của vợ chồng. Anh L và anh T đã thực hiện việc chuyển nhượng đất đúng theo quy định tại Điều 167 Luật Đất đai 2013 và các Điều 502, 503 Bộ luật Dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa anh L và anh T là hợp pháp.

[4] Chi phí đo đạc, định giá tài sản tổng cộng là 1.782.000 đồng. Anh Nguyễn Văn T phải chịu 1.188.000 đồng tiền chi phí đo đạc, định giá tài sản; chị T phải chịu 594.000 đồng tiền chi phí đo đạc, định giá tài sản, chị T đã nộp đủ.

[5] Về án phí: Nguyên đơn và bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần tài sản được chia theo quy định của pháp luật. Cụ thể như sau: Chị T phải chịu 8.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh T phải chịu 20.200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 167 Luật Đất đai 2013 và các Điều 133, 502, 503 Bộ luật Dân sự 2015

Áp dụng Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Giao cho anh Nguyễn Văn T được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng đất thửa số 35, tờ bản đồ 9, diện tích 58,6m² tọa lạc tại Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Anh T phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị T số tiền 175.000.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/3/2020 giữa anh Trần Thanh L và anh Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 35, tờ bản đồ 9, diện tích 58,6m² tọa lạc tại Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Trần Thanh L liên hệ với cơ quan có thẩm quyền đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí đo đạc, định giá: Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho chị Nguyễn Thị T 1.188.000 đồng (một triệu một trăm tám mươi tám ngàn đồng) tiền chi phí đo đạc, định giá tài sản.

4. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch và 20.200.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền án phí phải nộp là 20.500.000 đồng (hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 8.750.000 đồng (tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.750.000 đồng theo biên lai thu số 0005296 ngày 19/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho anh Trần Thanh L 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005943 ngày 24/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND TPVL;
- CCTHADS TPVL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Hải Châu